

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KỸ THUẬT SỐ, NĂNG LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Phạm Thị Ngọc Mai^{1*}, Nguyễn Thị Công Dung¹, Nguyễn Thị Quý¹

¹ Trường Đại học Tài chính – Marketing

* Tác giả liên hệ: Email: ngoimai@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/09/2022

Ngày chấp nhận: 06/02/2023

Ngày đăng: 25/04/2023

DOI: 10.52932/jfm.vi2.324

Phục lục 1. Giả thuyết nghiên cứu

Định hướng chiến lược khách hàng

H1: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực chuyển đổi số

H1a: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực hạ tầng công nghệ

H1b: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực tích hợp kỹ thuật số

H1c: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực quản lý kỹ thuật số

H1d: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực mở rộng hệ thống kỹ thuật số

H1e: Định hướng chiến lược khách hàng có tác động tích cực đến năng lực chủ động trong hệ thống kỹ thuật số

Định hướng chiến lược cạnh tranh

H2: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực chuyển đổi số

H2a: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực hạ tầng công nghệ

H2b: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực tích hợp kỹ thuật số

H2c: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực quản lý kỹ thuật số

H2d: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực mở rộng hệ thống kỹ thuật số

H2e: Định hướng chiến lược cạnh tranh có tác động tích cực đến năng lực chủ động trong hệ thống kỹ thuật số

Định hướng công nghệ

H3: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực chuyển đổi số

H3a: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực hạ tầng công nghệ

H3b: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực tích hợp kỹ thuật số

H3c: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực quản lý kỹ thuật số

H3d: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực mở rộng hệ thống kỹ thuật số

H3e: Định hướng chiến lược công nghệ có tác động tích cực đến năng lực chủ động trong hệ thống kỹ thuật số

Năng lực chuyển đổi số và kết quả hoạt động của doanh nghiệp

H4: Năng lực chuyển đổi số có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

H4a: Năng lực hạ tầng công nghệ có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

H4b: Năng lực tích hợp kỹ thuật số có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

H4c: Năng lực quản lý kỹ thuật số có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

H4d: Năng lực mở rộng hệ thống kỹ thuật số có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

H4e: Năng lực chủ động trong hệ thống kỹ thuật số có tác động tích cực đến kết quả hoạt động

Phụ lục 2. Kết quả nghiên cứu định tính

Qua phỏng vấn tay đôi, cách thức diễn giải của một số biến quan sát được điều chỉnh từ ngữ cho rõ nghĩa hơn. Thang đo định hướng chiến lược cạnh tranh (SCO) bổ sung thêm biến quan sát về việc “doanh nghiệp tập trung vào khách hàng và phân khúc thị trường mà các đối thủ cạnh tranh đang dẫn trước”. Thang đo năng lực quản lý số (DMA) bổ sung các biến quan sát về 4 vấn đề gồm: “Nhân viên kỹ thuật số có đủ kiến thức và kỹ năng về các dịch vụ kỹ thuật số để hỗ trợ các thay đổi”, “doanh nghiệp có thể vận hành và quản lý hệ thống kỹ thuật số một cách an toàn và thường xuyên”, “doanh nghiệp có thể vận hành và duy trì mối quan hệ trong tổ chức thông qua hệ thống công nghệ hợp tác chặt chẽ với người dùng”, “doanh nghiệp có thể kịp thời giải quyết các vấn đề về hệ thống kỹ thuật số”. Thang đo kết quả hoạt động bổ sung thêm biến quan sát về “Gia tăng số lượng khách hàng mới”.

Kết quả các thang đo được tổng kết và mã hóa lại. Thang đo điều chỉnh sau phỏng vấn tay đôi được đưa vào thảo luận nhóm tập trung. Kết quả thảo luận nhóm ở phiên 1 cho thấy một số biến quan sát cần điều chỉnh cho rõ hoặc nhóm gộp lại để giảm thiểu sự trùng lặp. Theo đó, thang đo tích hợp kỹ thuật số (DIT) nhóm gộp 2 thành phần có ý tương đồng là “Truy cập dữ liệu từ tất cả các phòng ban bất cứ lúc nào” và “Tự do chia sẻ và sử dụng dữ liệu từ các bộ phận khác” thành 1 biến quan sát.

Kết quả thảo luận ở phiên 1 được tổng hợp để thực hiện kiểm định giá trị nội dung của các biến, biến quan sát ở phiên 2 thông qua việc tính giá trị CVR. Sau khi tính CVR cho từng biến giá trị này được so sánh với giá trị tối thiểu CVR Critical theo quy định. Kết quả cho thấy, tất cả các giá trị CVR > 0,6, các biến đều ở mức chấp nhận nên được đưa vào bảng khảo sát trong nghiên cứu định lượng tiếp theo.

Phụ lục 3. Kết quả đánh giá mô hình đo lường sau khi loại biến

Thang đo	Biến quan sát	Độ tin cậy		Giá trị hội tụ		Giá trị phân biệt
		Hệ số alpha 0,6-0,9	Cronbach's Hệ số tin cậy tổng hợp CR >0,7	Hệ số tải >0,7	AVE >0,5	HTMT <0,85
SCU	SCU1	0,834	0,883	0,774	0,601	
	SCU2			0,755		
	SCU3			0,773		
	SCU4			0,804		
	SCU5			0,770		
SCO	SCO1	0,853	0,895	0,796	0,630	
	SCO3			0,782		
	SCO4			0,795		
	SCO5			0,802		
	SCO6			0,793		
	STO			STO1		
STO2	0,797					
STO4	0,826					
STO5	0,812					
DIF	DIF1	0,823	0,883	0,775	0,653	
DIF2	0,816					
DIF3	0,830					
DIF4	0,810					
DIT	DIT1	0,815	0,878	0,786	0,642	Đạt
	DIT2			0,806		
	DIT3			0,808		
	DIT4			0,806		
DMA	DMA1	0,892	0,912	0,731	0,536	
	DMA2			0,754		
	DMA3			0,705		
	DMA4			0,760		
	DMA5			0,745		
	DMA6			0,712		

Thang đo	Biến quan sát	Độ tin cậy		Giá trị hội tụ		Giá trị phân biệt
		Hệ số Cronbach's alpha 0,6-0,9	Hệ số tin cậy tổng hợp CR >0,7	Hệ số tải >0,7	AVE >0,5	HTMT <0,85
DSS	DMA7	0,821	0,881	0,761	0,650	
	DMA8			0,715		
	DMA9			0,704		
	DSS1			0,837		
	DSS2			0,792		
DSP	DSS3	0,826	0,885	0,768	0,658	
	DSS4			0,827		
	DSP1			0,832		
	DSP2			0,809		
OP	DSP3	0,837	0,880	0,807	0,551	
	DSP4			0,796		
	OP1			0,720		
	OP2			0,791		
	OP3			0,719		
	OP4			0,750		
	OP5	0,734				
	OP6	0,738				

Phụ lục 4. Giá trị VIF

	SCO	SCU	STO	OP
DIF	1,359	1,378	1,214	2,322
DIT	1,359	1,378	1,214	2,212
DMA	1,359	1,378	1,214	2,638
DSP	1,359	1,378	1,214	2,098
DSS	1,359	1,378	1,214	2,007

Bảng 5. Hệ số xác định R^2 và hệ số xác định điều chỉnh R^2_{adj}

	R Square	R Square Adjusted
DIF	0,528	0,523
DIT	0,506	0,501
DMA	0,431	0,426
DSS	0,446	0,441
DSP	0,446	0,440
OP	0,647	0,641

Bảng 6. Hệ số tác động f^2

	SCO	SCU	STO	OP
DIF	0,186	0,146	0,139	0,027
DIT	0,101	0,087	0,281	0,042
DMA	0,043	0,139	0,158	0,090
DSP	0,091	0,130	0,120	0,037
DSS	0,079	0,091	0,187	0,043

Bảng 7. Mức độ dự báo của mô hình Q²

	SSO	SSE	Q ² (=1-SSE/SSO)
DIF	1276,000	850,273	0,334
DIT	1276,000	868,159	0,320
DMA	2871,000	2220,409	0,227
DSP	1276,000	912,533	0,285
DSS	1276,000	915,919	0,282
OP	1914,000	1250,115	0,347
SCO	1595,000	1595,000	
SCU	1595,000	1595,000	
STO	1276,000	1276,000	

Phụ lục 8. Mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số hồi quy	P-value
H1 (+)			
H1a	SCU -> DIF	0,308	0,000
H1b	SCU -> DIT	0,243	0,000
H1c	SCU -> DMA	0,330	0,000
H1d	SCU -> DSS	0,263	0,000
H1e	SCU -> DSP	0,315	0,000
H2 (+)			
H2a	SCO -> DIF	0,345	0,000
H2b	SCO -> DIT	0,261	0,000
H2c	SCO -> DMA	0,183	0,000
H2d	SCO -> DSS	0,244	0,000
H2e	SCO -> DSP	0,261	0,000
H3 (+)			
H3a	STO -> DIF	0,282	0,000
H3b	STO -> DIT	0,411	0,000
H3c	STO -> DMA	0,330	0,000
H3d	STO -> DSS	0,355	0,000
H3e	STO -> DSP	0,284	0,000
H4 (+)			
H4a	DIF -> OP	0,149	0,003
H4b	DIT -> OP	0,182	0,001
H4c	DMA -> OP	0,289	0,000
H4d	DSS -> OP	0,175	0,002
H4e	DSP -> OP	0,166	0,002